

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-PT

Ngày 06- 5- 2019

V/v “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán:

Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phan Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2017/HNGĐPT ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1320/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoa P, sinh năm 1970. Địa chỉ: tổ A, ấp A, xã D, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Sĩ Q, sinh năm 1968. Địa chỉ: tổ A, ấp A, xã D, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, (có mặt).

+*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Trần Bá Học thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, (vắng mặt).

3.2. Đại diện Văn phòng công chứng Lam Sơn, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Địa chỉ: Khu phố Hòa Hội, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, (vắng mặt).

3.3. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948. Địa chỉ: Ấp A, xã D, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, (có mặt).

3.4. Ông Đặng Văn N, sinh 1956 và bà Nguyễn Thị C, sinh 1954. Địa chỉ: Ấp A, xã D, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, (vắng mặt).

4. Người làm chứng:

+ Bà Lê Thị L, sinh năm 1937. Địa chỉ: Ấp N, xã D, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, (vắng mặt).

+ Bà Lê Thị L1, sinh năm 1923. Địa chỉ: Tổ C, Ấp A, xã D, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, (vắng mặt).

+ Bà Cao Thị O, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp A, xã D, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn H, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp A, xã D, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã LT, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, (vắng mặt).

+ Bà Đoàn Thị D, sinh năm 1986 và ông Nguyễn Văn H. Địa chỉ: Số B, đường L, phường A, Tp. Vũng Tàu, tỉnh BRVT, (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Đại Đồ L, sinh 1980. Địa chỉ: Ấp A, xã D, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, (có mặt).

+ Ông Kiều Quang B, sinh 1960. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, (có mặt).

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại các bản khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoa P trình bày: Năm 2000, bà P và ông Q kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một người con chung tên Trần Văn L, sinh ngày 03/5/2005. Đến năm 2011, bà P và ông Q phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông Q đánh đập bà P, ông Q bỏ nhà đi từ tháng 8 năm 2012 đến nay hai vợ chồng sống ly thân với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà P yêu cầu Tòa án: Cho bà P được ly hôn với ông Trần Sĩ Q.

Về con chung: Bà P yêu cầu được nuôi con Trần Văn L, sinh ngày 03/5/2005 và yêu cầu ông Q cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung:

+ Đối với diện tích 1.528m² thửa đất số 193, tờ bản đồ số 33 được UBND huyện Đất Đỏ cấp giấy chứng nhận số AH 238903 ngày 09/01/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị Hoa P, ông Trần Sĩ Q.

+ Diện tích 1.641m² có 04 thửa đất gồm 247, 258, 277, 288, tờ bản đồ số 33 được UBND huyện Đất Đỏ cấp giấy chứng nhận số AH 238902 ngày 09/01/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị Hoa P, ông Trần Sĩ Q.

Bà P yêu cầu được hưởng công sức 1/3 giá trị đối với 2 diện tích đất trên và tài sản trên đất vì bà P cho rằng khi bà P về sống chung với ông Q thì đất chỉ có cái chòi nhưng đã bị hư hỏng. Sau đó, hai vợ chồng, đã xây dựng nhà cấp 4, quán café và trồng cây trên đất.

+ Đối với diện tích 372m² trên đất có căn nhà cấp 4 thửa số 553, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ theo giấy chứng nhận QSD đất số BG 571962 ngày 23/02/2012 đứng tên bà Nguyễn Thị Hoa P.

Do cha mẹ bà P là ông T, bà H tặng cho riêng nhà đất bà P nên bà P đề nghị công nhận cho bà P.

+ Buộc ông Q trả ½ giá trị chiếc xe Wave S BKS 72H1 – 087.56 đứng tên bà P mà ông Q đang quản lý.

+ Công nhận xe máy Sirius BKS 72 P1-6222 đứng tên bà P là của riêng bà P.

Về nợ chung: Bà P yêu cầu ông Q trả ½ số tiền cụ thể là 7.500.000 đồng tiền vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đất Đỏ mà bà P đã vay 15.000.000 đồng trong thời kỳ hôn nhân.

Tại các bản khai bị đơn ông Trần Sĩ Q trình bày:

Ông Q quen biết bà P đầu năm 1998 (Bà P trước đó đã có một đời chồng và ông Q đã có một đời vợ đều đã ly hôn) bà P về sống với ông Q cùng 02 người con riêng của bà P. Đến năm 2000 kết hôn, kết hôn xong, ông Q thường xuyên ở Đak Nông trồng rẫy café lâu lâu mới về thăm nhà, còn bà P thì ở Ấp A, xã D, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, hai vợ chồng có với nhau một con chung tên Trần Văn L, sinh ngày 03/5/2005. Đến năm 2011, thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà P thường xuyên bỏ nhà đi theo người khác. Nay, ông Q có yêu cầu Tòa án như sau:

Về hôn nhân: Ông Q đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Nếu con chung cháu Trần văn L ở với bà P thì ông Q không cấp dưỡng, còn nếu ở với ông Q thì ông Q không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản có những tài sản sau:

+ Diện tích 1.528m² thửa đất số 193, tờ bản đồ số 33 được UBND huyện Đất Đỏ cấp giấy chứng nhận số AH 238903 ngày 09/01/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị Hoa P, ông Trần Sĩ Q.

+Diện tích 1.641m² có 04 thửa đất, tờ bản đồ số 33 được UBND huyện Đất Đỏ cấp giấy chứng nhận số AH 238902 ngày 09/01/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị Hoa P, ông Trần Sĩ Q.

Hai diện tích đất này là tài sản riêng của ông Q có trước khi kết hôn với bà P, ông Q không chấp nhận chia giá trị 1/3 công sức cho bà P.

Nguồn gốc 2 diện tích đất: Năm 1988, ông Q mua đất của ông Tám Râu. Đến năm 2006 thì ông Q mời địa chính huyện Đất Đỏ xuống đo đạc để cấp giấy chứng nhận QSD đất nhưng tại thời điểm đó ông Q đang ở Đak Nông trồng cà phê nên không trực tiếp đo đạc được mà có nói với bà P đo đạc giùm và nói một mình ông Q đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất nhưng sau đó giấy chứng nhận QSD đất lại đứng tên cả ông Q, bà P.

Ngày 28/6/2014, ông Q yêu cầu giám định hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất do bà P kê khai năm 2008 thì Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận chữ ký và chữ viết không phải là của ông Q.

Ông Q khẳng định, tất cả tài sản trên là tài sản riêng của ông Q theo Tòa án đã chia với người vợ trước là bà Lê Thị N được thể hiện tại bản án số 03/HNPT ngày 12/01/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

+ Đối với diện tích 372m² đất có căn nhà cấp 4 thửa số 553, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại Ấp A, xã D, huyện Đ theo giấy chứng nhận QSD đất số BG 571962 ngày 23/02/2012 đứng tên bà Nguyễn Thị Hoa P.

Nguồn gốc đất là: Ngày 25/10/2011, ông Q bán toàn bộ rẫy cà phê ở Đak Nông được 740.000.000 đồng cho ông Lầu Chí V, ông Q đã gửi tiền qua Ngân hàng cho bà P 635.000.000 đồng theo tài khoản Ngân hàng của bà P và đưa trực tiếp tiền mặt cho bà P 100.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng ông Q trả tiền nhân công.

Ngày 02/01/2012, ông T bà H (bố mẹ bà P) nói với ông Q chuộc lại nhà đất của ông Nguyễn Đức D (con ruột ông T) đã bán cho ông H, bà Đoàn Thị D nên ông Q chuộc lại từ ông H, bà D với số tiền 385.000.000 đồng. Ông Q khẳng định nhà đất nêu trên là tài sản riêng do ông Q bỏ tiền ra mua của ông T, bà H.

+ Chiếc xe Wave S BKS 72H1-087.56 là tài sản riêng ông Q do ông Q đang quản lý là tiền của ông Q bỏ ra mua, không phải tiền của bà P nên ông Q yêu cầu công nhận chiếc xe này cho ông Q.

+ Chiếc xe máy Sirius BKS 72 P1-6222 đứng tên bà P là tài sản chung của ông Q và bà P. Ông Q đề nghị chia đôi xe máy này, mỗi người nhận ½ giá trị.

+ Ông Q yêu cầu bà P trả lại cho ông Q số tiền 220.000.000 đồng mà ông Q đã đưa cho bà P trong thời kỳ hôn nhân.

Nguồn gốc số tiền này có nguồn gốc từ số tiền 735.000.000 đồng mà ông Q đã bán rẫy cà phê trên Đak Nông gửi về cho bà P vào năm 2010, năm 2011, cụ thể ông Q đã gửi qua Ngân hàng cho bà P 635.000.000 đồng theo tài khoản Ngân hàng của bà P và đưa trực tiếp tiền mặt cho bà P 100.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng ông Q trả tiền nhân công.

Về nợ chung: Ông Q không đồng ý trả 7.500.000 tiền vay Ngân hàng mà bà P yêu cầu vì một mình bà P ký vay thì một mình bà P trả và tại các bản khai của bà P tại Tòa án tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu năm 2017 bà P nói ông Q không cần trả lại và đã trả xong.

Nay ông Q có yêu cầu phản tố như sau:

+ Yêu cầu hủy 2 giấy chứng nhận QSD đất số AH 238903 và AH 238902 cấp ngày 09/01/2008 đứng tên ông Q, bà P. Công nhận diện tích trong giấy chứng nhận QSD đất là của một mình ông Q.

+ Hủy hợp đồng công chứng tặng cho QSD đất số 64 ngày 13/01/2012 giữa bà P và ông T, bà H. Đối với diện tích đất 372m² thửa 553 tờ bản đồ 28 tọa lạc tại xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ do vô hiệu.

+ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 571962 ngày 23/2/2012 do UBND huyện Đất Đỏ cấp cho bà P.

+ Buộc bà P phải trả cho ông Q diện tích đất 372m² thửa 553 tờ bản đồ 28 xã Láng Dài, trên đất có nhà cấp 4. Nếu bà P lấy nhà đất để ở thì phải trả cho ông Q số 635.000.000 đồng.

+ Yêu cầu bà P trả lại cho ông Q số tiền 220.000.000 đồng mà ông Q đã đưa cho bà P trong thời kỳ hôn nhân.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ *Tại các bản khai ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị H trình bày:* Năm 2012, vợ chồng ông T, bà H có con là bà Nguyễn Thị Hoa P nhà đất, đất có diện tích 372m² (Trên đất có căn nhà cấp 4), thửa đất số 553, tờ bản đồ số 28 và được lập hợp đồng tặng cho được UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 23/02/2012 số BG 571962 đứng tên bà Nguyễn Thị Hoa P. Diện tích này, vợ chồng ông T, bà H cho riêng một mình con gái bà Nguyễn Thị Hoa P vì lúc đó ông Q thường xuyên đánh đập, hành hung đuổi bà P ra khỏi nhà nên bà P không có chỗ ở.

Nay, bà P khởi kiện ông Q thì ông T, bà H không có ý kiến và đồng ý ranh sử dụng đất thực tế hiện nay không tranh chấp, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

+ *Tại các bản khai Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ trình bày:* Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q, bà Phương đối với các diện tích nhà, đất tranh chấp được Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ cấp đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Nay, bà P khởi kiện ông Q thì đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

+ *Tại các bản khai ông Trịnh Văn L đại diện Văn phòng công chứng Lam Sơn trình bày:* Hồ sơ công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T, bà H và bà P đối với nhà, đất diện tích 372m² đất có căn nhà cấp 4 thửa số 553, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại Ấp A, xã D, huyện Đ theo giấy chứng nhận QSD đất số BG 571962 ngày 23/02/2012 đứng tên bà Nguyễn Thị Hoa P được Văn phòng công chứng Lam Sơn, huyện Đất Đỏ thực hiện đúng trình tự theo quy định của

pháp luật. Nay, bà P khởi kiện ông Q thì Văn phòng công chứng Lam Sơn, huyện Đất Đỏ đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

+ *Tại các bản khai ông Đặng Văn N và Nguyễn Thị C trình bày:*

Đất gia đình ông N, bà C giáp đất ông Q đang tranh chấp, hai gia đình vẫn đang sử dụng đúng ranh đất. Ông N, bà C đồng ý với ranh đất thực tế như hiện nay không tranh chấp gì.

Người làm chứng trình bày:

+ *Tại các bản khai bà Lê Thị L, bà Lê Thị L1, bà Cao Thị O, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn H, Nguyễn Đỗ Đại L, Kiều Quang B thống nhất trình bày:*

Các ông bà khẳng định nhà, đất tranh chấp diện tích 1.528m² thửa đất số 193, tờ bản đồ số 33 được UBND huyện Đất Đỏ cấp giấy chứng nhận số AH 238903 ngày 09/01/2008 và diện tích 1.641m² có 04 thửa đất gồm 247, 258, 277, 288, tờ bản đồ số 33 được UBND huyện Đất Đỏ cấp giấy chứng nhận số AH 238902 ngày 09/01/2008 đứng tên bà Nguyễn Thị Hoa P, ông Trần Sĩ Q là tài sản riêng của ông Q.

+ *Tại các bản khai ông Nguyễn Đức D trình bày:* Trước đây, ông D có được cha mẹ ruột là ông T, bà H cho nhà đất, đất có diện tích 372m² (Trên đất có căn nhà cấp 4), thửa đất số 553, tờ bản đồ số 28, việc tặng cho bằng miệng không có giấy tờ gì cả; mục đích là để ở gần cha mẹ khi về già. Sau đó, ông D và cha mẹ xảy ra mâu thuẫn nên ông D đã về Đồng Nai sinh sống và cha mẹ ông đã lấy lại nhà, đất cho chị ruột là bà P. Nay, bà P khởi kiện ông Q thì ông D không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

+ *Tại các bản khai bà Đoàn Thị D và ông Nguyễn Văn H trình bày:* Trước đây, vợ chồng bà D có cho ông Nguyễn Đức D (em ruột bà P) vay 130.000.000 đồng nhưng ông D không có tiền trả nên được bà Nguyễn Thị Hoa P trả dùm. Nay, bà P khởi kiện ông Q thì vợ chồng bà D không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 24/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 34 và khoản 1 Điều 37; Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 12; Điều 166 Luật đất đai. Điều 33, 55, 59, 82, 84 Luật Hôn nhân gia đình. Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Hoa P và ông Trần Sĩ Q. Bà Nguyễn Thị Hoa P và ông Trần Sĩ Q thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoa P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Văn L, sinh ngày 03/05/2005. Ông Trần Sĩ Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (một triệu)/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trần Sĩ Q được đến thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của

con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

3. Về tài sản:

+ Ông Trần Sĩ Q được quyền sử dụng diện tích đất 1.480m² ở thửa số 193 tờ bản đồ số 33 và diện tích đất 1.641m² ở thửa số 247, 258, 277, 288 tờ bản đồ số 33 và toàn bộ tài sản trên đất, đất tọa lạc tại xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ lập ngày 15/11/2017.

Hủy giấy chứng nhận QSD đất số AH 238903 cấp ngày 09/01/2008 do UBND huyện Đất Đỏ cấp và hủy giấy chứng nhận QSD đất số AH 238902 cấp ngày 09/01/2008 do UBND huyện Đất Đỏ cấp, cả hai giấy đều đứng tên ông Trần Sĩ Q và bà Nguyễn Thị Hoa P. Ông Trần Sĩ Q đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích thực tế đang sử dụng, theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ lập ngày 15/11/2017.

+ Bà Nguyễn Thị Hoa P được quyền sử dụng diện tích đất 372m² và toàn bộ tài sản trên đất, ở thửa số 553 tờ bản đồ số 28, đất tọa lạc tại xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ lập ngày 15/11/2017. Giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 571962 mà UBND huyện Đất Đỏ đã cấp ngày 23/02/2012 cho bà Nguyễn Thị Hoa P.

+ Ông Trần Sĩ Q được quyền sở hữu xe mô tô biển số 72 H1- 08756.

+ Bà Nguyễn Thị Hoa P được quyền sở hữu xe mô tô biển số 72 P1- 6222. Bà P có nghĩa vụ trả lại cho ông Q 1.392.500 đồng (một triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm đồng).

+ Ông Q có nghĩa vụ hoàn trả tiền giá trị quán cà phê cho bà P số tiền là 1.734.750 đồng. (một triệu, bảy trăm ba mươi bốn ngàn, bảy trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chí phí định giá, đo vẽ, thẩm định; án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 9/7/2018, bị đơn là ông Trần Sĩ Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 10/7/2018, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoa P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 13/7/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu có Quyết định kháng nghị số 404/QĐ-KNPT-VKS-DS theo hướng: Công nhận một phần nhà cấp 4A5, quán cà phê trên thửa số 193 và nhà, đất tại thửa 553 tọa lạc tại xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ là tài sản chung của ông Q, bà P để chia theo quy định của pháp luật, tính lại án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hoa P là nguyên đơn trình bày:

Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận cho bà được hưởng công sức tương đương 1/3 giá trị đối với diện tích đất 1.528m² tại thửa đất số 193 và diện tích đất 1.641m² tại các thửa số 247, 258, 277, 288. Bởi lẽ khi bà về sống chung với ông Q thì đất chỉ có cái chòi nhưng đã bị hư hỏng, sau đó bà và ông Q đã xây dựng nhà cấp 4, quán café và trồng cây trên đất. Bà đã có công sức canh tác, giữ gìn nên đất mới có giá trị. Ngày 07/01/2003 ông Q đến UBND xã Láng Dài làm giấy ủy quyền cho bà được quyền sử dụng hai mảnh đất này tức là đã đồng ý xác nhập tài sản riêng vào tài sản chung nên bà mới được đứng tên trên sổ đỏ.

Bà không đồng ý với kháng cáo của ông Q và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vì thửa đất số 553 là tài sản riêng của bà.

Luật sư Trần Bá Học là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Trần Sĩ Q trình bày:

Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận quyền sở hữu và sử dụng của ông Q đối với nhà đất có diện tích 372 tại thửa số 553, buộc bà P phải trả lại tài sản này cho ông Q. Trước đây ông Q đã bán khối tài sản riêng của ông là 05 hecta đất rẫy cà phê tại Đắk Nông và đã đưa cho bà P toàn bộ số tiền bán đất 735.000.000 đồng; bà P đã dùng 415.000.000 đồng để mua và sửa chữa nhà đất tại thửa số 553. Như vậy cần xác định nhà đất này là tài sản riêng của ông Q, phía bà P còn phải trả cho ông Q số tiền 320.000.000 đồng còn lại. Trong trường hợp bà P muốn được lấy tài sản này để ở thì đề nghị Tòa án buộc bà P trả lại cho ông Q đầy đủ số tiền 735.000.000 đồng.

Phía bị đơn không đồng ý với kháng cáo của bà P và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn ông Trần Sĩ Q trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tối cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận một phần nhà cấp 4A5 và quán cà phê trên thửa đất số 193 và nhà đất tại thửa đất số 553, xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ là tài sản chung của ông Q, bà P; đồng thời cần tính lại án phí mà các đương sự phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoa P thừa nhận hai mảnh đất có diện tích 1.528m² (đo đạc thực tế là 1.480m²) tại thửa số 193 và diện tích đất 1.641m² tại các thửa 247, 258, 277, 288 xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ tài sản riêng của ông Trương Sĩ Q có trước khi kết hôn với bà P. Cấp sơ thẩm đã công nhận cho ông Q được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất đồng thời hủy hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Đất Đỏ đã cấp cho ông Q, bà P là có căn cứ và phù hợp. Hiện nay bà P kháng cáo yêu cầu được hưởng công sức tương đương 1/3 giá trị hai mảnh đất do bà đã có công gìn giữ, tôn tạo đất và xây dựng tài sản trên đất là căn nhà, quán cafe.

HĐXX xét thấy: Diện tích của hai mảnh đất đã được hình thành trước khi ông Q kết hôn với bà P, bà P không cung cấp cũng như không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh bà đã đóng góp công sức vào việc tôn tạo trên diện tích hai mảnh đất nói trên. Tuy nhiên HĐXX có xét đến công sức của bà P trong việc hình thành các tài sản tồn tại trên đất là một căn nhà cấp 4, quán cà phê và cây trồng các loại. Cụ thể: tại Bản án ly hôn số 03/HNPT ngày 12/01/2000 của TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết ly hôn giữa ông Q với vợ trước là bà Lê Thị N đã tuyên xử “Giao cho ông Q được sở hữu một căn nhà ở mái tôn ximăng, vách xây gạch, nền lót gạch tàu, diện tích là 45m²...”. Theo Sơ đồ đo vẽ ngày 15/11/2017 thì diện tích căn nhà hiện tại là 102,5m², lớn hơn so với diện tích căn nhà ông Q được giao trước đây. Từ đó có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của bà P cho rằng căn nhà là do bà và ông Q trong quá trình chung sống đã xây dựng và sửa chữa thêm; quán cà phê là xây dựng năm 2004 với mục đích để bà P làm nơi buôn bán. Như vậy cần xác định căn nhà cấp 4 có diện tích 102,5m² được định giá 81.076.750 đồng, quán cà phê được định giá 3.469.500 đồng, cây các loại trị giá 25.210.400 đồng là tài sản chung của bà P, ông Q hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Do tài sản hiện nay tồn tại trên đất của ông Q nên ông Q được quyền sở hữu khối tài sản này và có nghĩa vụ trả lại cho bà P ½ giá trị khối tài sản là 54.878.325 đồng.

[2] Đối với kháng cáo của ông Q yêu cầu xác định nhà đất tại thửa 553, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ là thuộc sở hữu của ông vì đây là tài sản ông mua từ nguồn tiền bán rẫy cà phê ở Đắk Nông. Nếu bà P muốn lấy tài sản này thì phải trả lại cho ông số tiền 735.000.000 đồng. Phía bà P cho rằng đây là tài sản riêng của bà do được cha mẹ là ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị H tặng cho riêng.

HĐXX xét thấy theo các tài liệu có trong hồ sơ thì vào ngày 13/01/2012 vợ chồng ông T, bà H làm hợp đồng tặng cho con là bà P nhà đất tại thửa số 553 tại Phòng công chứng Lam Sơn và đến ngày 23/02/2012 thì bà P được UBND huyện Đất Đỏ cấp giấy chứng nhận QSD đất. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án,

bà P đã nhiều lần xác định phần nhà đất trên là tài sản chung của bà và ông Q, mua của ông T, bà H từ nguồn tiền bán đất ở Đắc Nông. Mặc dù đất ở Đắc Nông do bà P đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà P cũng đã thừa nhận bà và ông Q khi mới về chung sống đã lên Đắc Nông lập nghiệp và hai vợ chồng đã mua đất rẫy trồng cà phê. Theo lời khai của những chủ đất cũ cũng như của ông Lâu Chí V là người mua lại phần đất này thì toàn bộ quá trình chuyển nhượng đất ở Đắc Nông đều do ông Q, bà P cùng nhau thực hiện. Ông Q cũng đưa ra được chứng cứ có việc chuyển tiền bán đất về cho bà P. Sau khi xâu chuỗi các sự kiện lại với nhau, đã có đủ cơ sở để xác định: Đất rẫy cà phê ở Đắc Nông trước đây là tài sản chung của bà P, ông Q tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, nguồn tiền thu được từ việc bán rẫy cà phê cũng là tài sản chung của bà P, ông Q. Số tiền này đã được dùng một phần để mua nhà đất tại thửa số 553 của ông T, bà H nên khối tài sản này là tài sản chung của bà P, ông Q. Phần tiền còn lại phía bà P xác định đã chi tiêu vào việc sinh hoạt trong cuộc sống chung nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Q buộc bà P phải trả lại cho ông.

Theo biên bản định giá ngày 07/11/2017 thì khối tài sản tại thửa số 553 bao gồm 50 m² đất ở, 322 m² đất nông nghiệp, nhà cấp 4, cây các loại với tổng trị giá là 211.723.510 đồng. Do bà H đang trực tiếp sinh sống và đứng tên trên giấy tờ đối với tài sản này nên sẽ tiếp tục giao cho bà H được toàn quyền sử dụng, bà H có trách nhiệm hoàn trả cho ông Q ½ giá trị tài sản tương đương 105.861.755 đồng.

[3] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX quyết định sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đối với các quyết định khác của án sơ thẩm do bà P, ông Q không kháng cáo nên HĐXX không đề cập.

[4] Về án phí: Bà P, ông Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12, Điều 166 Luật đất đai; Điều 33, 55, 59, 82, 84 Luật Hôn nhân gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoa P, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trần Sĩ Q, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Hoa P và ông Trần Sĩ Q. Bà Nguyễn Thị Hoa P và ông Trần Sĩ Q thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoa P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Văn L, sinh ngày 03/05/2005. Ông Trần Sĩ Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Q được đến thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

3. Về tài sản:

3.1. Xác định phần đất có diện tích 1.480m² tại thửa số 193 và phần đất có diện tích 1.641m² tại các thửa số 247, 258, 277, 288, tờ bản đồ số 33, xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là tài sản riêng của ông Trần Sĩ Q.

- Xác định khối tài sản tọa lạc tại hai phần diện tích đất nêu trên là tài sản chung của ông Trần Sĩ Q, bà Nguyễn Thị Hoa P.

(Theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ lập ngày 15/11/2017)

- Giao cho ông Trần Sĩ Q được toàn quyền sử dụng phần diện tích đất cùng toàn bộ tài sản trên đất. Ông Q có trách nhiệm hoàn trả cho bà P số tiền 54.878.325 đồng tương đương ½ giá trị tài sản trên đất.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 238903 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 09/01/2008 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 238902 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 09/01/2008 cho ông Trần Sĩ Q và bà Nguyễn Thị Hoa P. Ông Q được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai diện tích đất nêu trên theo đúng với diện tích thực tế đang sử dụng, theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ lập ngày 15/11/2017.

3.2. Xác định phần đất có diện tích 372m² tại thửa số 553, tờ bản đồ số 28, xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và toàn bộ tài sản trên đất là tài sản chung của ông Trần Sĩ Q, bà Nguyễn Thị Hoa P.

Giao cho bà P được toàn quyền sử dụng phần diện tích đất cùng toàn bộ tài sản trên đất. Bà P có trách nhiệm hoàn trả cho ông Q số tiền 105.861.755 đồng tương đương ½ giá trị tài sản.

Giữ nguyên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BG 571962 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 23/02/2012 cho bà P.

3.3. Ông Trần Sĩ Q được quyền sở hữu xe mô tô biển số 72 H1- 08756. Bà Nguyễn Thị Hoa P được quyền sở hữu xe mô tô biển số 72 P1- 6222.

Bà P có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Q giá trị chênh lệch là 1.392.500 đồng.

3.4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về việc buộc ông Q phải trả cho bà số tiền 7.500.000 đồng là tiền bà P đã vay của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đất Đỏ trong thời kỳ hôn nhân.

3.5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Q về việc buộc bà P phải trả cho ông số tiền 220.000.000 đồng là tiền mà ông đã đưa cho bà P trong thời kỳ hôn nhân.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về chi phí giám định, định giá, đo vẽ, thẩm định là 16.000.000 đồng, ông Q, bà P mỗi người phải nộp 8.000.000 đồng. Ông Q và bà P đã nộp đủ.

6. Về án phí hôn nhân, gia đình và dân sự sơ thẩm:

+ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà P phải chịu 200.000 đồng.

+ Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Q phải chịu 200.000 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Số tiền bà Nguyễn Thị Hoa P phải chịu là 5.293.088 đồng, nhưng được trừ 7.037.000 đồng theo biên lai số 022532 ngày 29/10/2013; Số 09960 ngày 19/08/2015; Số 09970 ngày 01/09/2015, số 0000005 ngày 05/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Hoàn trả cho bà P 1.743.912 đồng.

Số tiền ông Trần Sĩ Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.743.916 đồng, nhưng được trừ 7.900.000 đồng theo biên lai số 0000180 ngày 02/03/2016; Số 09934 ngày 03/08/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Hoàn trả cho ông Q 5.156.084 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Các đương sự (15);
- Lưu (DTTP 25)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh

Các thẩm phán

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Yên

Mai Thị Tú Oanh

Nguyễn Văn Minh